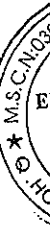


**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 54

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại Biệt thự số 41, Khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, Tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc. Ông Nguyễn Mạnh Hải, Phó Tổng Giám đốc, được Ông Phan Chiến Thắng ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 theo Giấy ủy quyền số 63/UQ-ELC ngày 21 tháng 8 năm 2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



**Building a better
working world**

Ernst & Young Vietnam Limited Tel : + 84 4 3831 5100
8th Floor, CornerStone Building Fax: + 84 4 3831 5090
16 Phan Chu Trinh Street ey.com
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Số tham chiếu: 61141397/18956583-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 28 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 54, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		883.593.203.615	837.739.419.817
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	119.032.476.559	102.917.130.476
111	1. Tiền		3.832.476.559	51.964.130.476
112	2. Các khoản tương đương tiền		115.200.000.000	50.953.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		25.020.566.140	4.751.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(1.193.649.600)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	21.800.000.000	3.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		527.549.582.132	607.098.095.849
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	448.631.669.421	528.648.616.598
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	29.200.102.025	33.515.767.145
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	25.642.436.000	29.875.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	44.870.734.882	40.737.277.003
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,7,8	(20.795.360.196)	(25.678.564.897)
140	IV. Hàng tồn kho	9	208.456.312.274	119.697.125.564
141	1. Hàng tồn kho		208.684.251.620	119.943.012.890
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(227.939.346)	(245.887.326)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.534.266.510	3.275.524.021
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		735.714.508	574.208.876
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	2.798.552.002	2.701.315.145

KHH ★ (C)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		296.002.880.300	322.730.991.079
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		39.827.822.044	57.734.973.962
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	39.725.672.044	57.632.688.962
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	102.150.000	102.285.000
220	II. Tài sản cố định		118.872.343.186	127.727.451.253
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	113.728.819.677	123.528.970.915
222	Nguyên giá		189.358.043.458	216.691.978.550
223	Giá trị khấu lũy kế		(75.629.223.781)	(93.163.007.635)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.143.523.509	4.198.480.338
228	Nguyên giá		13.903.646.372	13.448.574.227
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(8.760.122.863)	(9.250.093.889)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		341.791.885	341.791.885
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		341.791.885	341.791.885
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	12	134.323.114.009	133.908.316.705
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		6.236.068.313	6.260.740.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.1	133.568.815.457	131.553.815.457
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(5.481.769.761)	(3.906.238.752)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.637.809.176	3.018.457.274
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		1.028.521.117	1.383.893.584
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	28.3	1.609.288.059	1.634.563.690
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.179.596.083.915	1.160.470.410.896

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		395.986.114.243	374.383.071.286
310	I. Nợ ngắn hạn		302.166.850.414	282.569.175.776
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	182.606.942.502	133.171.828.774
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	5.321.869.280	19.807.398.197
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	6.828.931.172	13.286.570.146
314	4. Phải trả người lao động		6.073.583.633	19.694.335.534
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		4.242.622.934	6.169.536.781
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		951.458.335	289.408.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	15	4.723.627.766	3.403.332.921
320	8. Vay ngắn hạn	16	72.727.354.255	76.748.388.917
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	17	3.280.094.561	2.982.328.639
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	15.410.365.976	7.016.047.867
330	II. Nợ dài hạn		93.819.263.829	91.813.895.510
338	1. Vay dài hạn	16	69.031.806.265	65.049.335.834
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	17	24.787.457.564	26.764.559.676
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		783.609.969.672	786.087.339.610
410	I. Vốn chủ sở hữu		783.609.969.672	786.087.339.610
411	1. Vốn cổ phần	19.1	475.973.750.000	465.973.750.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		475.973.750.000	465.973.750.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	19.1	88.677.010.000	88.697.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	19.1	(1.382.900.000)	(1.353.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	19.1	38.575.255.576	35.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.1	5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	19.1	164.682.542.268	180.012.576.856
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		139.227.951.856	85.273.429.875
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		25.454.590.412	94.739.146.981
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	11.884.311.828	11.781.747.178
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.179.596.083.915	1.160.470.410.896

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	303.026.835.262	359.711.375.919
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	303.026.835.262	359.711.375.919
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(219.880.323.247)	(261.355.857.472)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		83.146.512.015	98.355.518.447
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	3.506.980.679	5.377.339.665
22	7. Chi phí tài chính	24	(1.206.489.500)	(9.305.514.382)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(965.418.723)	(4.572.734.451)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(24.671.687)	-
25	9. Chi phí bán hàng	25	(7.366.479.662)	(10.079.716.109)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(42.714.027.998)	(48.133.500.942)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		35.341.823.847	36.214.126.679
31	12. Thu nhập khác	26	2.659.843.437	1.996.108.104
32	13. Chi phí khác	26	(5.415.844.711)	(1.096.170.695)
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác	26	(2.756.001.274)	899.937.409
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		32.585.822.573	37.114.064.088
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(7.003.391.880)	(5.240.460.532)
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	28.3	(25.275.631)	(1.791.388.272)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.557.155.062	30.082.215.284
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		25.454.590.412	30.407.277.229
62	20. Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	21	102.564.650	(325.061.945)

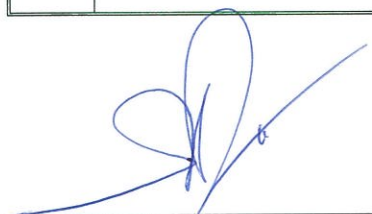
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

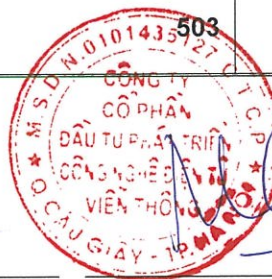
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	503	554
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	30	503	554



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh




Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		32.585.822.573	37.114.064.088
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		13.210.146.738	19.413.425.835
03	Các khoản (hoàn nhập dự phòng)/dự phòng		(6.773.980.095)	8.202.663.235
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(77.012.039)	(1.631.822.678)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.782.715.537)	(2.844.404.372)
06	Chi phí lãi vay		965.418.723	4.572.734.451
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		37.127.680.362	64.826.660.559
09	Giảm các khoản phải thu		98.168.427.375	7.592.151.275
10	Tăng hàng tồn kho		(84.758.768.298)	(344.401.170.986)
11	Tăng các khoản phải trả		12.426.247.535	171.256.279.259
12	Giảm chi phí trả trước		193.866.835	2.920.145.295
14	Tiền lãi vay đã trả		(983.105.313)	(4.619.557.318)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(5.281.314.892)	(10.633.283.993)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.105.681.891)	(734.983.200)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		55.787.351.713	(113.793.759.109)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(4.355.038.672)	(2.463.736.954)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	141.868.342
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(23.800.000.000)	(23.930.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.282.564.000	11.158.700.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.015.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	3.999.969.144
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.882.185.366	1.781.141.554
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(18.005.289.306)	(9.312.057.914)

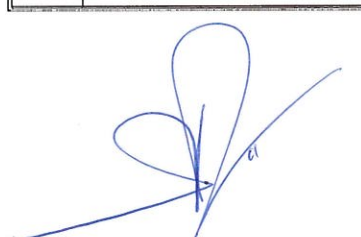
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử
Viễn thông

B03a-DN/HN

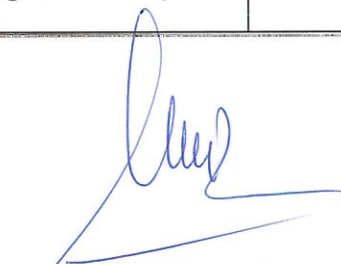
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		9.980.000.000	7.985.000.000
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		(29.900.000)	-
33	Tiền thu từ đi vay		83.801.443.308	206.065.938.808
34	Tiền trả nợ gốc vay		(87.720.303.216)	(99.886.733.114)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(27.699.404.310)	(21.931.365.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động tài chính		(21.668.164.218)	92.232.839.944
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		16.113.898.189	(30.872.977.079)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		102.917.130.476	70.756.440.806
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.447.894	35.871.154
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	119.032.476.559	39.919.334.881



Người lập
Chu Hồng Hạnh



Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh




Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 20 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại Biệt thự số 41, Khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, Tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là: 393 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 316).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 3 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
2	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51%	51%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
3	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65%	65%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 5 năm

3.7 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.9 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Tiền mặt	794.691.535	1.825.182.080
Tiền gửi ngân hàng	3.037.785.024	50.138.948.396
Các khoản tương đương tiền (*)	115.200.000.000	50.953.000.000
TỔNG CỘNG	<u>119.032.476.559</u>	<u>102.917.130.476</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn không quá ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,3% đến 5,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN (tiếp theo)

Các thông tin bổ sung về báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	83.801.443.308	206.065.938.808
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(87.720.303.216)	(99.886.733.114)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Chứng khoán kinh doanh					
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	103.250.000	67.295.740	103.250.000	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	3.153.270.400 (1.193.649.600)	4.346.920.000	1.384.248.167 (2.962.671.833)	
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	3.256.520.400 (1.193.649.600)	4.414.215.740	1.487.498.167 (2.962.671.833)	

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	21.800.000.000	21.800.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	
TỔNG CỘNG	21.800.000.000	21.800.000.000	3.300.000.000	3.300.000.000	

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn 12 tháng và hưởng mức lãi suất 5,4% đến 7,4%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng	432.229.366.690	522.208.813.312
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng VNPT-Net	133.469.955.849	46.353.030.630
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	49.748.057.657	60.066.760.096
- Các khoản phải thu khách hàng khác	249.011.353.184	415.789.022.586
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	16.402.302.731	6.439.803.286
TỔNG CỘNG	448.631.669.421	528.648.616.598
Dài hạn		
Phải thu từ khách hàng	39.725.672.044	57.632.688.962
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	39.725.672.044	57.632.688.962
TỔNG CỘNG	39.725.672.044	57.632.688.962
Dự phòng phải thu khó đòi	(3.826.004.782)	(3.112.032.414)
Trong đó:		
Ngắn hạn	(3.826.004.782)	(3.112.032.414)
Dài hạn	-	-

(*) Khoản phải thu từ Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 16.2.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán	16.200.102.025	20.515.767.145
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Deltatech	2.840.872.250	2.840.872.250
- Công ty Cổ phần Giải pháp Giao thông Thông minh	2.346.497.199	2.619.000.000
- Các khoản trả trước khác	5.630.852.056	9.674.014.375
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	29.200.102.025	33.515.767.145

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Cho vay ngắn hạn	20.775.000.000	20.775.000.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	14.400.000.000	14.400.000.000
- Bà Nguyễn Phương Hải (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
- Cho vay ngắn hạn khác	375.000.000	375.000.000
Cho vay các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	4.867.436.000	9.100.000.000
TỔNG CỘNG	<u>25.642.436.000</u>	<u>29.875.000.000</u>
Dự phòng phải thu về cho vay ngắn hạn khó đòi	(9.400.000.000)	(14.400.000.000)

(*) Đây là khoản cho bà Nguyễn Phương Hải vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 6.000.000.000 VND, lãi suất 9%/năm theo thỏa thuận ban đầu. Công ty tạm dừng tính lãi vay đối với khoản cho vay này kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 theo thỏa thuận mới. Công ty đã thu hồi được khoản vay này vào ngày 12 tháng 7 năm 2017.

8. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Tạm ứng cho nhân viên	13.914.395.283	13.501.538.353
Phải thu từ Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà	4.800.000.000	4.800.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	3.689.885.279	4.289.885.279
Phải thu Ông Nguyễn Đức Thiện	2.348.010.366	2.348.010.366
Phải thu Bà Nguyễn Phương Hải	2.005.750.000	2.005.750.000
Phải thu Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	1.916.209.769	1.916.209.769
Phải thu khác	16.196.484.185	11.875.883.236
TỔNG CỘNG	<u>44.870.734.882</u>	<u>40.737.277.003</u>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(7.569.355.414)	(8.166.532.483)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khác</i>	41.365.958.269	36.549.676.724
<i>Phải thu khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	3.689.885.279	4.289.885.279

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	14.500.000	-	14.500.000	-
Công cụ, dụng cụ	2.532.000		2.532.000	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	122.867.512.567	-	72.485.902.351	-
Thành phẩm	128.563.045	-	215.928.856	-
Hàng hóa	85.671.144.008	(227.939.346)	47.224.149.683	(245.887.326)
TỔNG CỘNG	<u>208.684.251.620</u>	<u>(227.939.346)</u>	<u>119.943.012.890</u>	<u>(245.887.326)</u>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số đầu kỳ	245.887.326	1.739.756.107
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	-	1.335.360.360
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(17.947.980)	-
Số cuối kỳ	<u>227.939.346</u>	<u>3.075.116.467</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	79.913.023.542	84.528.453.523	29.378.039.985	22.723.415.406	149.046.094	216.691.978.550	
- Mua trong kỳ	-	1.618.873.070	-	459.513.750	-	2.078.386.820	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	206.272.727	-	-	-	-	206.272.727	
- Phân loại lại	-	25.091.734	-	88.154.360	(113.246.094)	-	
- Xóa sổ	-	(16.205.969.019)	(10.138.800.853)	(3.273.824.767)	-	(29.618.594.639)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	80.119.296.269	69.966.449.308	19.239.239.132	19.997.258.749	35.800.000	189.358.043.458	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	-	1.769.031.914	5.788.658.773	51.200.000	-	7.608.890.687	
Giá trị khấu hao lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.185.703.952	47.247.830.309	21.759.254.689	10.902.039.973	68.178.712	93.163.007.635	
- Khấu hao trong kỳ	1.441.368.998	6.862.151.439	1.285.472.079	2.492.238.267	3.580.002	12.084.810.785	
- Phân loại lại	-	(40.968.485)	-	88.154.360	(47.185.875)	-	
- Xóa sổ	-	(16.205.969.019)	(10.138.800.853)	(3.273.824.767)	-	(29.618.594.639)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	14.627.072.950	37.863.044.244	12.905.925.915	10.208.607.833	24.572.839	75.629.223.781	
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	66.727.319.590	37.280.623.214	7.618.785.296	11.821.375.433	80.867.382	123.528.970.915	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	65.492.223.319	32.103.405.064	6.333.313.217	9.788.650.916	11.227.161	113.728.819.677	

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 16.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản cố định vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	13.405.534.346	43.039.881	13.448.574.227
- Mua trong kỳ	2.070.379.124	-	2.070.379.124
- Thanh lý, nhượng bán	(1.615.306.979)	-	(1.615.306.979)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>13.860.606.491</u>	<u>43.039.881</u>	<u>13.903.646.372</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết</i>	5.299.440.377	-	5.299.440.377
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	9.227.856.627	22.237.262	9.250.093.889
- Hao mòn trong kỳ	1.121.031.967	4.303.986	1.125.335.953
- Thanh lý, nhượng bán	(1.615.306.979)	-	(1.615.306.979)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>8.733.581.615</u>	<u>26.541.248</u>	<u>8.760.122.863</u>
Giá trị còn lại:			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>4.177.677.719</u>	<u>20.802.619</u>	<u>4.198.480.338</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>5.127.024.876</u>	<u>16.498.633</u>	<u>5.143.523.509</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017				Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Phân loại lại)				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư vào công ty liên kết									
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	626.074	6.236.068.313	-	6.236.068.313	626.074	6.260.740.000	-	6.260.740.000	
Đầu tư cổ phiếu (*)									
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	89.734.549.500	5.481.769.761	84.252.779.739	1.250.000	87.919.549.500	3.906.238.752	84.013.310.748	
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	28.590.000.000	1.374.295.364	27.215.704.636	371.699	28.590.000.000	1.227.645.953	27.362.354.047	
Công ty Cổ phần Akani Holdings	1.371.000	26.985.200.000	1.020.832.519	25.964.367.481	1.371.000	26.985.200.000	-	26.985.200.000	
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	13.710.000.000	2.726.641.878	10.983.358.122	1.189.500	11.895.000.000	2.418.139.101	9.476.860.899	
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến Long Xanh	600.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	87.496	6.000.000.000	-	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	36.000	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	
	14.689	360.000.000	360.000.000	-	36.000	360.000.000	-	360.000.000	
		115.000.000	-	115.000.000	14.689	115.000.000	-	115.000.000	
Đầu tư dài hạn khác									
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		43.834.265.957	-	43.834.265.957		43.634.265.957	-	43.634.265.957	
Dự án Thanh Trì - Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì		37.771.500.000	-	37.771.500.000		37.771.500.000	-	37.771.500.000	
Dự án Quản lý xe buýt - Công ty Cổ phần Transmedia		5.862.765.957	-	5.862.765.957		5.862.765.957	-	5.862.765.957	
		200.000.000	-	200.000.000		-	-	-	
TỔNG CỘNG		139.804.883.770	5.481.769.761	134.323.114.009		137.814.555.457	3.906.238.752	133.908.316.705	

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc Phường Trần Phú, Quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

12.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu (%)	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	42,97%	42,97%

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết này như sau:

	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn
Giá trị đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.260.740.000
Chuyển từ công ty con thành công ty liên kết	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>6.260.740.000</u>
Phản lỗ lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-
Lỗ trong kỳ	<u>(24.671.687)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(24.671.687)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>6.260.740.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>6.236.068.313</u>

Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn ("Công ty Bắc Kạn") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4700162684 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp lần đầu ngày 8 tháng 10 năm 2008. Công ty này có trụ sở chính tại số 91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn là thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.

Công ty Bắc Kạn đã nhận được quyết định số 119/QĐ-UBND ngày 8 tháng 2 năm 2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc đóng cửa mỏ đồng Khuổi Kim – Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Nà Rì đã giao cho Công ty Bắc Kạn trước đó và giao đất cho UBND xã Liêm Thủy, huyện Nà Rì quản lý với diện tích là 272,4 ha.

Sau đó, Công ty Bắc Kạn đã gửi công văn số 08/CV ngày 9 tháng 8 năm 2017 lên Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn để xin tiếp tục cấp phép đánh giá và khai thác khoáng sản tại mỏ quặng đồng tại thôn Nà Pi, xã Liêm Thủy, huyện Nà Rì, tỉnh Bắc Kạn với diện tích 45 ha. Tại ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Công ty Bắc Kạn vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi của UBND Tỉnh Bắc Kạn về công văn yêu cầu này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

13.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả ngắn hạn cho người bán	182.606.942.502	182.606.942.502	133.171.828.774	133.171.828.774
- Công ty Ciena Communications Inc.	102.545.535.026	102.545.535.026	20.227.566.468	20.227.566.468
- Công ty SIAE Microelettronica S.p.A	23.170.169.474	23.170.169.474	11.101.710.248	11.101.710.248
- Công ty Hudson Capital Holding Ltd.	14.121.104.437	14.121.104.437	17.411.030.126	17.411.030.126
- Phải trả đối tượng khác	42.770.133.565	42.770.133.565	84.431.521.932	84.431.521.932
TỔNG CỘNG	182.606.942.502	182.606.942.502	133.171.828.774	133.171.828.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN (tiếp theo)

13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiên Ân	2.403.656.100	-
Bộ Tư lệnh Thông tin liên lạc	823.095.000	-
Công ty TNHH MTV Bất động sản Hà Phan	568.016.940	-
Cục Công nghệ Thông tin	-	7.341.257.600
Công ty Cổ phần VETC	-	2.456.012.750
Người mua trả tiền trước khác	1.527.101.240	1.050.185.330
Các bên liên quan trả tiền trước (<i>Thuyết minh số 29</i>)	-	8.959.942.517
TỔNG CỘNG	<u>5.321.869.280</u>	<u>19.807.398.197</u>

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	9.133.540.762	20.159.464.065	28.773.571.214	519.433.613
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.965.228.736	1.965.228.736	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 28.1</i>)	3.201.314.892	7.003.391.880	5.281.314.892	4.923.391.880
Thuế thu nhập cá nhân	426.963.150	4.039.982.105	4.198.012.056	268.933.199
Thuế nhà thầu	411.180.263	5.354.129.615	4.761.197.995	1.004.111.883
Các loại thuế khác	113.571.079	3.647.757	4.158.239	113.060.597
TỔNG CỘNG	<u>13.286.570.146</u>	<u>38.525.844.158</u>	<u>44.983.483.132</u>	<u>6.828.931.172</u>

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã bù trừ trong năm</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	<u>2.701.315.145</u>	<u>369.315.717</u>	<u>272.078.860</u>	<u>2.798.552.002</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.701.315.145</u>	<u>369.315.717</u>	<u>272.078.860</u>	<u>2.798.552.002</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Phải trả hàng nhận bảo hành	1.685.956.275	274.690.908
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	885.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	824.647.308	815.660.688
Kinh phí công đoàn	527.880.552	830.673.979
Các khoản phải trả phải nộp khác	799.878.918	597.042.633
TỔNG CỘNG	<u>4.723.627.766</u>	<u>3.403.332.921</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY

	Đơn vị tính: VND					
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn						
Vay dài hạn đến hạn trả	18.467.100.000	18.467.100.000	-	-	18.467.100.000	18.467.100.000
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.1)	58.281.288.917	58.281.288.917	83.801.443.308	(87.720.303.216)	54.260.254.255	54.260.254.255
	76.748.388.917	76.748.388.917	83.801.443.308	(87.720.303.216)	72.727.354.255	72.727.354.255
Vay dài hạn						
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 16.2)	65.049.335.834	65.049.335.834	3.982.470.431	-	69.031.806.265	69.031.806.265
	65.049.335.834	65.049.335.834	3.982.470.431	-	69.031.806.265	69.031.806.265
TỔNG CỘNG	141.797.724.751	141.797.724.751	87.783.913.739	(87.720.303.216)	141.759.160.520	141.759.160.520

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Nguyên tệ (USD)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	25.814.822.295	1.133.472	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 07 tháng 12 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	2,0 – 2,2%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thăng Long	23.204.939.835	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 19 tháng 11 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,7%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	5.240.492.125	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 18 tháng 10 năm 2017. Lãi vay trả hàng tháng.	5,8%	Tin chấp

TỔNG CỘNG

54.260.254.255 **1.133.472**

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. VAY (tiếp theo)

16.2 Các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt – Chi nhánh Hà Nội	87.498.906.265	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	8,8%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu từ dự án VTS Hải Phòng (Thuyết minh số 6.1)
TỔNG CỘNG	<u>87.498.906.265</u>			
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả	18.467.100.000			
- Vay dài hạn	69.031.806.265			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	3.280.094.561	2.982.328.639
TỔNG CỘNG	3.280.094.561	2.982.328.639
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	24.787.457.564	26.764.559.676
TỔNG CỘNG	24.787.457.564	26.764.559.676

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ, Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ 1 đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

18. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Số dư đầu kỳ	7.016.047.867	2.820.781.904
Trích lập trong kỳ (<i>Thuyết minh số 19.1</i>)	9.500.000.000	7.500.000.000
Sử dụng trong kỳ	(1.105.681.891)	(734.983.200)
Số dư cuối kỳ	15.410.365.976	9.585.798.704

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tính hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Kỳ trước	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	415.719.980.000	88.712.010.000	(1.281.500.000)	33.775.255.576	5.200.000.000	161.900.498.675	18.845.927.577	722.872.171.828	
- Tăng vốn trong kỳ	8.000.000.000	(15.000.000)	-	-	-	-	-	7.985.000.000	
- Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ	-	-	-	-	-	30.407.277.229	(325.061.945)	30.082.215.284	
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(24.873.298.800)	-	(24.873.298.800)	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.000.000.000	-	(2.000.000.000)	-	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(7.500.000.000)	-	(7.500.000.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	423.719.980.000	88.697.010.000	(1.281.500.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	157.934.477.104	18.520.865.632	728.566.088.312	
Kỳ này									
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	465.973.750.000	88.697.010.000	(1.353.000.000)	35.775.255.576	5.200.000.000	180.012.576.856	11.781.747.178	786.087.339.610	
- Tăng vốn trong kỳ (*)	10.000.000.000	(20.000.000)	-	-	-	-	-	9.980.000.000	
- Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	25.454.590.412	102.564.650	25.557.155.062	
- Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(28.484.625.000)	-	(28.484.625.000)	
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	2.800.000.000	-	(2.800.000.000)	-	-	
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(9.500.000.000)	-	(9.500.000.000)	
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(29.900.000)	-	-	-	-	(29.900.000)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	475.973.750.000	88.677.010.000	(1.382.900.000)	38.575.255.576	5.200.000.000	164.682.542.268	11.884.311.828	783.609.969.672	

(*) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 01-02/2017/NQ-HĐQT ngày 16 tháng 2 năm 2017 về việc phát hành và niêm yết bổ sung 1.000.000 cổ phiếu phổ thông được chào bán cho nhân viên của Công ty, với giá chào bán là 10.000 VND/cổ phiếu. Số cổ phiếu này được chính thức niêm yết từ ngày 11 tháng 4 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	475.973.750.000	475.973.750.000	-	465.973.750.000	465.973.750.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.677.010.000	88.677.010.000	-	88.697.010.000	88.697.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.382.900.000)	(1.382.900.000)	-	(1.353.000.000)	(1.353.000.000)	-
TỔNG CỘNG	563.267.860.000	563.267.860.000	-	553.317.760.000	553.317.760.000	-

19.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Vốn đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	465.973.750.000	415.719.980.000
Tăng vốn trong kỳ	10.000.000.000	8.000.000.000
Vốn góp cuối kỳ	475.973.750.000	423.719.980.000
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	28.484.625.000	24.873.298.800

19.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Cổ tức đã công bố trong năm	28.484.625.000	24.873.298.800
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	28.484.625.000	24.873.298.800
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	-	24.873.298.800
- Cổ tức cho năm 2016: 600 VND/cổ phiếu	28.484.625.000	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
Cổ phiếu đã phát hành	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
<i>Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ</i>	<i>47.597.375</i>	<i>475.973.750.000</i>	<i>46.597.375</i>	<i>465.973.750.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	47.597.375	475.973.750.000	46.597.375	465.973.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	125.990	1.382.900.000	123.000	1.353.000.000
<i>Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ</i>	<i>125.990</i>	<i>1.382.900.000</i>	<i>123.000</i>	<i>1.353.000.000</i>
Cổ phiếu phổ thông	125.990	1.382.900.000	123.000	1.353.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	47.471.385	474.590.850.000	46.474.375	464.620.750.000
Cổ phiếu phổ thông	47.471.385	474.590.850.000	46.474.375	464.620.750.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Cổ phiếu của Tổng Công ty đang được niêm yết tại sàn HOSE theo mã chứng khoán là ELC.

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	3.850,68	115.636,36
Bảng Anh (GBP)	990,14	990,14
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	6.057.777.778

(*) Đây là khoản cho vay và lãi vay từ Công ty Liên doanh Dược phẩm Eloge France Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Công ty Cổ phần Elcom Plus</i>	<i>Công ty TNHH VTS Hải Phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Số đầu kỳ	6.039.124.986	5.742.622.192	11.781.747.178
Phân lợi nhuận/(lỗ) thuộc về cổ đông không kiểm soát trong kỳ	<u>(406.394.418)</u>	<u>508.959.068</u>	<u>102.564.650</u>
Số cuối kỳ	<u>5.632.730.568</u>	<u>6.251.581.260</u>	<u>11.884.311.828</u>

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng doanh thu	303.026.835.262	359.711.375.919
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	183.812.711.001	243.689.368.186
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	113.240.079.661	98.416.164.248
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	5.974.044.600	15.371.604.000
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	-	2.234.239.485
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	<u>303.026.835.262</u>	<u>359.711.375.919</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	183.812.711.001	243.689.368.186
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	113.240.079.661	98.416.164.248
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	5.974.044.600	15.371.604.000
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	-	2.234.239.485
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	278.843.978.510	352.690.426.385
<i>Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	24.182.856.752	7.020.949.534

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.656.425.877	1.655.178.122
Cổ tức, lợi nhuận được chia	150.961.347	188.440.200
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	1.021.270.605
Lãi chênh lệch tỷ giá	699.593.455	2.512.450.738
TỔNG CỘNG	<u>3.506.980.679</u>	<u>5.377.339.665</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn hàng hóa đã bán	166.217.705.217	200.104.791.555
Giá vốn cung cấp dịch vụ	50.428.333.258	50.588.190.087
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	3.234.284.772	5.517.054.439
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	-	5.145.821.391
TỔNG CỘNG	<u>219.880.323.247</u>	<u>261.355.857.472</u>

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lãi tiền vay	965.418.723	4.572.734.451
Lỗ chênh lệch tỷ giá	434.331.146	1.983.392.419
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư (Hoàn nhập)/dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	2.017.801.340
	(193.491.224)	731.374.977
Chi phí tài chính khác	230.855	211.195
TỔNG CỘNG	<u>1.206.489.500</u>	<u>9.305.514.382</u>

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí dự phòng bảo hành thành phẩm phần mềm	(39.309.886)	(633.104.131)
Chi phí dự phòng bảo hành phần cứng	(320.232.315)	4.473.207.068
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	-	116.266.298
Chi phí bán hàng khác	7.726.021.863	6.123.346.874
TỔNG CỘNG	<u>7.366.479.662</u>	<u>10.079.716.109</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân công	35.608.035.297	27.220.440.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.082.761.990	5.622.096.035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.487.405.083	1.972.259.063
Chi phí công cụ, dụng cụ	629.505.827	1.380.791.020
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.883.204.701)	2.826.535.321
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	3.789.524.502	8.032.749.255
Phân bổ lợi thế thương mại	-	1.078.630.000
TỔNG CỘNG	<u>42.714.027.998</u>	<u>48.133.500.942</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	2.659.843.437	1.996.108.104
Chiết khấu/thưởng từ nhà cung cấp	2.538.408.699	1.025.341.219
Phạt chậm hợp đồng	-	404.776.011
Các khoản khác	121.434.738	565.990.874
Chi phí khác	5.415.844.711	1.096.170.695
Lỗi từ thanh lý hàng tồn kho	5.261.560.887	-
Phạt chậm hợp đồng	-	962.077.200
Chi phí khác	154.283.824	134.093.495
(LỖ)/LỢI NHUẬN THUẦN KHÁC	(2.756.001.274)	899.937.409

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí mua nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	177.651.485.200	199.855.583.221
Chi phí nhân công	40.737.427.108	32.591.831.010
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	13.210.146.738	18.334.795.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.541.238.864	49.247.502.386
Chi phí khác bằng tiền	16.820.532.997	19.539.362.071
TỔNG CỘNG	269.960.830.907	319.569.074.523

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty và Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom (công ty con) được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty và công ty con này trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty và các công ty con áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.003.391.880	5.222.439.037
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	18.021.495
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	<u>25.275.631</u>	<u>1.791.388.272</u>
TỔNG CỘNG	<u>7.028.667.511</u>	<u>7.031.848.804</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.585.822.573	37.114.064.088
Thuế TNDN theo thuế suất của Công ty	7.004.515.579	5.872.869.245
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí khấu hao vượt định mức	40.009.373	146.007.207
Chi phí thiếu hóa đơn chứng từ hợp lý hợp lệ	521.901.251	267.779.162
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	12.000.000	12.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	166.373.152	841.191.283
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	25.275.631	1.791.388.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản năm nay	729.159	493.043.621
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận	366.895.686	487.449.089
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	-	18.021.495
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(30.186.690)	(37.688.040)
Lỗ năm trước chuyển sang	(290.833.753)	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(787.974.456)	(2.860.212.530)
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	<u>(37.421)</u>	<u>-</u>
Chi phí thuế TNDN	<u>7.028.667.511</u>	<u>7.031.848.804</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty mẹ và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Kỳ này	Kỳ trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi/(lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.609.288.059	1.634.563.690	25.275.631	291.388.272
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Hoàn nhập dự phòng phải thu từ các công ty con	-	-	-	1.500.000.000
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			25.275.631	1.791.388.272

28.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 7.250.651.293 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Đơn vị tính: VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ	Không	Chưa chuyển lỗ
			đến ngày 30 tháng 6 năm 2017	được chuyển lỗ	tại ngày 30 tháng 6 năm 2017
2014	2019	(1.126.726.035)	532.067.349	-	(594.658.686)
2015	2020	(1.794.009.166)	922.101.417	-	(871.907.749)
2016	2021	(919.717.056)	-	-	(919.717.056)
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (*)	2021	(4.864.367.802)	-	-	(4.864.367.802)
TỔNG CỘNG		(8.704.820.059)	1.454.168.766	-	(7.250.651.293)

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa, dịch vụ	20.460.958.104	6.054.509.027
Công ty Cổ phần Pan-Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Bán hàng hóa, dịch vụ	2.755.785.018	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Cho thuê văn phòng Góp vốn	966.113.630 1.815.000.000	966.440.507 -

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty đã trích lập 3.504.463.808 VND dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến các khoản phải thu ngắn hạn, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác từ các bên liên quan. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)				
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	8.287.047.643	-
Công ty Cổ phần Atani Holdings	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	6.822.197.499	5.842.032.507
Công ty Cổ phần Pan-Farm	Cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa, dịch vụ	695.286.810	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Bán hàng hóa, dịch vụ	597.770.779	597.770.779
TỔNG CỘNG			16.402.302.731	6.439.803.286

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lê Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất	5.980.000.000	5.980.000.000
TỔNG CỘNG			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản trả trước tiền đất theo Biên bản Thỏa thuận Hợp tác Đầu tư ngày 2 tháng 1 năm 2015 giữa Công ty và các bên liên quan trên.

Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)

Bà Đặng Thị Thanh Hương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.867.436.000	-
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.400.000.000	6.000.000.000
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	1.000.000.000	1.500.000.000
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	600.000.000	1.600.000.000
TỔNG CỘNG			4.867.436.000	9.100.000.000

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 VND</i>	<i>Kỳ hạn</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
Bà Đặng Thị Thanh Hương	1.867.436.000	1 tháng	8%/năm	Tín chấp
Ông Nguyễn Văn Hòa	1.400.000.000	3 tháng	9%/năm	Tín chấp
Ông Vũ Văn Cao	1.000.000.000	5 tháng	8%/năm	Tín chấp
Bà Phùng Thu Phương	600.000.000	4 tháng	8%/năm	Tín chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau (tiếp theo):

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
<i>Phải thu khác (Thuyết minh số 8)</i>				
Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty liên kết	Phải thu cho vay không lãi	3.281.000.000	3.881.000.000
		Lãi vay	408.885.279	408.885.279
TỔNG CỘNG			<u>3.689.885.279</u>	<u>4.289.885.279</u>
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 13.2)</i>				
Công ty Cổ phần Pan-Salad Bowl	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Trả trước tiền hàng	-	7.921.879.043
Công ty Cổ phần Pan Farm	Cùng thành viên Hội đồng quản trị	Trả trước tiền hàng	-	1.038.063.474
TỔNG CỘNG			<u>-</u>	<u>8.959.942.517</u>

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Lương và thưởng	2.615.361.503	1.975.099.680
TỔNG CỘNG	<u>2.615.361.503</u>	<u>1.975.099.680</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty và các công ty con (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	25.454.590.412	30.407.277.229
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(3.049.100.006)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	25.454.590.412	27.358.177.223
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	50.601.315	49.398.139
<i>Ảnh hưởng suy giảm do</i>		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	50.601.315	49.398.139
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	503	554
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	503	554

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được phân bổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 số 001/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2017. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2017 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(**) Bao gồm số cổ phiếu thưởng được công bố phát hành theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-06/2017/NQ-HĐQT ngày 7 tháng 6 năm 2017 (xem thêm tại Thuyết minh số 34).

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty và các công ty không trình bày báo cáo các bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất là lãnh thổ Việt Nam.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày:

	Phản mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	5.974.044.600	183.812.711.001	113.240.079.661	-	303.026.835.262
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	4.480.000.000	6.880.000	10.308.081.231	(14.794.961.231)	-
Kết quả					
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	2.739.759.828	17.595.005.784	62.811.746.403	-	83.146.512.015
Chi phí không phân bổ (*)					(50.560.689.442)
Lợi nhuận thuần trước thuế					32.585.822.573
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại					(7.028.667.511)
Lợi nhuận thuần sau thuế					25.557.155.062
Tài sản và công nợ					
Tài sản bộ phận	13.624.323.515	419.200.727.220	258.253.759.958	-	691.078.810.693
Tài sản không phân bổ (**)					488.517.273.222
Tổng tài sản					1.179.596.083.915
Công nợ bộ phận	4.042.945.304	124.395.578.974	76.635.425.242	-	205.073.949.520
Công nợ không phân bổ (***)					190.912.164.723
Tổng công nợ					395.986.114.243

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày:

	Phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (sản phẩm eBop)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	15.371.604.000	243.689.368.186	98.416.164.248	48.609.090	2.185.630.395	-	359.711.375.919
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	47.280.000	7.297.106.100	-	(7.344.386.100)	-	-
Kết quả							
Lợi nhuận thuần trước thuế của bộ phận	9.854.549.561	43.584.576.631	47.827.974.161	4.646.489	(2.916.228.395)	-	98.355.518.447
Chi phí không phân bổ (**)							(61.241.454.359)
Lợi nhuận thuần trước thuế							37.114.064.088
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại							(7.031.848.804)
Lợi nhuận thuần sau thuế							30.082.215.284
Tài sản và công nợ							
Tài sản bộ phận	41.253.060.783	653.993.709.304	264.121.298.320	130.453.123	5.865.617.117	-	965.364.138.647
Tài sản không phân bổ (**)							469.800.059.427
Tổng tài sản							1.435.164.198.074
Công nợ bộ phận	15.208.212.820	241.099.092.407	97.370.057.853	48.092.404	2.162.398.418	-	355.887.853.902
Công nợ không phân bổ (***)							350.710.255.860
Tổng công nợ							706.598.109.762

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	1.926.450.000	2.070.600.000
Trên 1 – 5 năm	3.760.152.500	4.637.988.333
TỔNG CỘNG	<u>5.686.602.500</u>	<u>6.708.588.333</u>

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	3.727.764.170	3.051.208.560
Trên 1 – 5 năm	3.285.255.792	-
TỔNG CỘNG	<u>7.013.019.962</u>	<u>3.051.208.560</u>

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

<i>STT</i>	<i>Bên nhận đầu tư</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
		<i>Cam kết góp vốn của Công ty</i>	<i>Số vốn thực góp</i>	<i>Số vốn chưa góp</i>
1	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
2	Công ty Cổ phần Atani Holdings	22.500.000.000	13.710.000.000	8.790.000.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
5	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
	TỔNG CỘNG	<u>513.418.000.000</u>	<u>70.602.240.000</u>	<u>442.815.760.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Cam kết liên quan đến hợp đồng BT

Công ty TNHH VTS Hải Phòng, công ty con của Công ty, đã thực hiện Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống quản lý hành hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hợp đồng số 03/2015/HĐBT-CHHVN ngày 21 tháng 1 năm 2015 với Cục Hàng hải Việt Nam ("HHVN"), hình thức hợp đồng BT, với tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 174.042 triệu VND, trong đó số tiền tạm tính sẽ hoàn trả cho chủ đầu tư (Công ty TNHH VTS Hải Phòng) là 171.115 triệu VND và số tiền 1.926 triệu VND do cục HHVN chi trả. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty con này chưa ghi nhận doanh thu và số tiền phải thu trong tương lai liên quan đến lãi vay được bồi hoàn trong thời gian thanh toán (từ tháng 8 năm 2015 đến hết năm 2022) do công ty con chưa quyết toán được phần lãi vay này với Cục HHVN.

33. TRÌNH BÀY LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG

Một số khoản mục tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của năm nay. Chi tiết như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)</i>		<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Phân loại lại</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (phân loại lại)</i>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT			
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.204.557.842	(5.862.765.957)	341.791.885
Đầu tư dài hạn khác	125.691.049.500	5.862.765.957	131.553.815.457

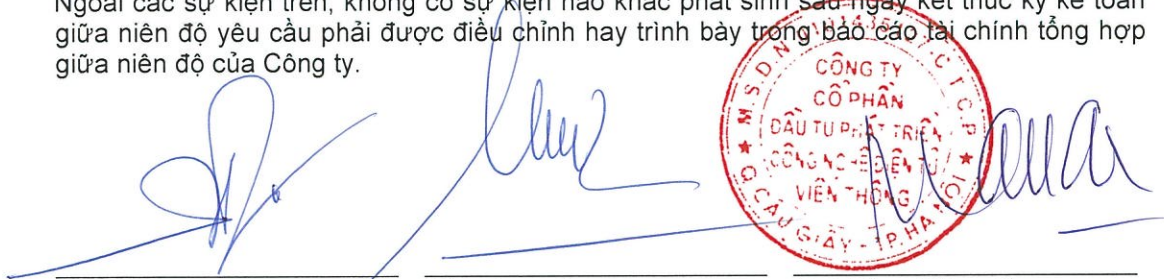
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 7 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-06/2017/NQ-HĐQT về việc sử dụng 116.500 cổ phiếu quỹ để thưởng cho người lao động trong Công ty. Số cổ phiếu này được chuyển quyền sở hữu vào ngày 17 tháng 7 năm 2017.

Vào ngày 15 tháng 8 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty thông qua Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-08/2017/NQ-HĐQT về việc chi trả cổ tức còn lại của năm 2016 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 2% (tương ứng với 1 cổ phiếu nhận được 200 VND); và trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 7% (mỗi cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 7 cổ phiếu mới), với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 3.331.151 cổ phiếu. Ngày chốt danh sách cổ đông để nhận cổ tức là ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Ngoài các sự kiện trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.



Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Phó Tổng Giám đốc
Nguyễn Mạnh Hải

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 8 năm 2017



Số: 63 /UQ - ELC

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2017

GIẤY ỦY QUYỀN

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
ĐIỆN TỬ - VIỄN THÔNG (ELCOM CORP.)**

Trụ sở: Tòa nhà ELCOM, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Mã số doanh nghiệp: 0101435127, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/07/2003.

I. Người ủy quyền: Ông Phan Chiến Thắng

CMTND số: 012408999 do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 10/04/2014;
Chức vụ: Tổng Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp.

II. Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh Hải

CMTND số: 011440228 do Công an Tp. Hà Nội cấp ngày 16/03/2009;
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

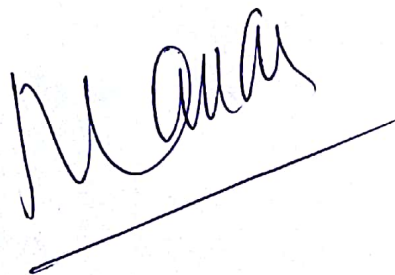
III. Nội dung ủy quyền:

Người được ủy quyền thay mặt Tổng Giám đốc Công ty thực hiện công việc sau:
Ký Báo cáo tài chính soát xét 06 tháng đầu năm 2017.

IV. Hiệu lực ủy quyền:

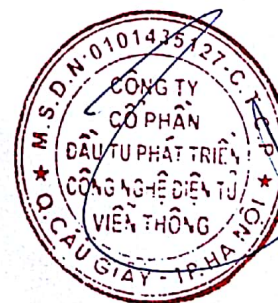
- Giấy ủy quyền này có thời hạn kể từ ngày ký đến hết ngày 03 tháng 09 năm 2017, hoặc đến khi có văn bản khác bãi bỏ hoặc thay thế;
- Ông Nguyễn Mạnh Hải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Tổng Giám đốc Công ty khi thực hiện công việc được ủy quyền trên.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Mạnh Hải

NGƯỜI ỦY QUYỀN



TỔNG GIÁM ĐỐC
Phan Chiến Thắng